

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phấn.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đào Anh T, sinh năm 1983,

ĐKKHKT: tổ 18A, khu 2A, phường N, thành phố V, tỉnh P.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị A, sinh năm 1986,

ĐKKHKT: tổ 18A, khu 2A, phường N, thành phố V, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

(Anh T và chị A đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Đào Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có quan điểm trình bày tại Bản tự khai ngày 01/2/2024, cụ thể:*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Vũ Thị A tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 24/3/2008 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố V, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó, chị A

đi Đài Loan sinh sống, làm việc. Từ năm 2020 đến nay giữa anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng sống xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

Về con chung: anh Đào Anh T xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Đào Anh C, sinh ngày 19/12/2008 và cháu Đào Bảo L, sinh ngày 16/7/2018. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng anh T. Sau khi ly hôn anh T đề nghị Tòa án giao cả hai cháu C và L cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: anh Đào Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: anh Đào Anh T xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Bị đơn chị Vũ Thị A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày quan điểm tại Bản tự khai ngày 31/1/2024 được Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực; cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đào Anh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 24/3/2008 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị thì chị A hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của anh T. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị A và anh T có hai con chung là cháu Đào Anh C, sinh ngày 19/12/2008 và cháu Đào Bảo L, sinh ngày 16/7/2018. Hiện nay cả hai cháu C và L đều đang sinh sống cùng với anh T ở Việt Nam. Chị A hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh T, chị đề nghị sau khi ly hôn Tòa án giao hai cháu C và L cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết..

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: anh Đào Anh T chịu toàn bộ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Anh T và chị Vũ Thị A.

Về con chung: Giao cháu Đào Anh C, sinh ngày 19/12/2008 và cháu Đào Bảo L, sinh ngày 16/7/2018 cho Đào Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Vũ Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Đào Anh T và chị Vũ Thị A mỗi người phải chịu 75.000đ trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Đào Anh T nộp đơn xin ly hôn Chị Vũ Thị A tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, anh T trình bày hiện chị A đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 1447/QLXNC-P3 ngày 18/01/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp thông tin như sau: “*Vũ Thị A, sinh ngày 01/12/1986, đã xuất cảnh ngày 31/7/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Anh T và chị A đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt mình. Căn cứ khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T và chị A.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Đào Anh T và chị Vũ Thị A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn ngày 24/3/2008 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh T và chị A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng anh T và chị A đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A và tại Bản tự khai ngày 31/01/2024 chị A đã trình bày quan điểm hoàn toàn nhất trí với yêu cầu ly hôn

của anh T. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị A.

- Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định anh T và chị A có hai con chung là cháu Đào Anh C, sinh ngày 19/12/2008 và cháu Đào Bảo L, sinh ngày 16/7/2018. Sau khi ly hôn anh T đề nghị Tòa án giao cả hai cháu C và L cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A cũng nhất trí với yêu cầu về con chung của anh T, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi anh chị ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy anh T và chị A đều đã thống nhất thỏa thuận được về vấn đề con chung. Hơn nữa tại đơn trình bày nguyện vọng của mình cháu C có mong được ở cùng anh T sau khi bố mẹ ly hôn, cháu L hiện vẫn đang còn nhỏ. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và việc học tập, phát triển của hai cháu C và cháu L cần giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: anh T và chị A đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Anh T và chị Vũ Thị A.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Đào Anh C, sinh ngày 19/12/2008 và cháu Đào Bảo L, sinh ngày 16/7/2018 cho anh Đào Anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Chị

Vũ Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T tự nguyện không yêu cầu.

Chị Vũ Thị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Đào Anh T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000114 ngày 26/01/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P do anh Nguyễn Trung Thành nộp thay. Hoàn trả lại cho anh Đào Anh T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Đào Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Vũ Thị A là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Viết Anh